TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 121/2022/HS-ST
Ngày 27/10/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Phan Tuấn

2. Ông: Phạm Việt Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vũ - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2022, tại Hội trường Nhà văn hóa xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm lưu động vụ án hình sự đã thụ lý số: 118/2022/TLHS-ST ngày 07/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST-HS ngày 13/10/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tô Văn T**, sinh ngày 12/06/1975.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 7/12;

Con ông: Tô Văn C, sinh năm 1945; Con bà: Trần Thị H, sinh năm 1947.

Vợ: Lê Thị N; Sinh năm: 1977; Có 02 con: Con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2005.

Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên toà).

***. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Chị: Lê Thị N, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

***. Người chứng kiến:**

1. Chị: Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

2. Anh: Nguyễn Xuân Đ (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

Khoảng 9 giờ 20 phút ngày 28/6/2022, tổ công tác của Công an xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, đang tiến hành tuần tra theo kế hoạch cao điểm trấn áp tội phạm tại khu vực đường liên xóm ngã ba T đi xóm Đ thì phát hiện một nam thanh niên đang điều khiển mô tô BKS 20F1-33.777 đi trên đường có biểu hiện liên quan đến ma túy, tổ công tác đã tiến hành kiểm tra người này và khai nhận tên là Tô Văn T và T tự giác lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc ra 01 phong bì thư màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng và màu hồng, giao nộp cho tổ công tác (T khai nhận là ma túy Heroine và ma túy tổng hợp mua về để sử dụng cho bản thân). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng (niêm phong bì thư ký hiệu A1); 01 điện thoại di động Nokia và số tiền 4.680.000đồng, niêm phong theo quy định và chuyển toàn bộ hồ sơ, đối tượng cùng vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Đại Từ để giải quyết theo thẩm quyền.

Hồi 15 giờ 00 phút ngày 28/6/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đại Từ tiến hành khám xét khẩn cấp về đồ vật, khu vực nhà ở của Tô Văn T, nhưng không thu giữ được gì liên quan đến vụ án.

Hồi 23 giờ 00 phút ngày 28/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên phối hợp với Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tiến hành mở niêm phong bì thư ký hiệu A1, cân xác định khối lượng chất bột màu trắng thu giữ của T có khối lượng 0,337 gam và ½ viên nén màu hồng có khối lượng là 0,076 lấy toàn bộ 0,337 gam và 0,076 gam niêm phong vào bì thư ký hiệu A2, gửi phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên để giám định.

Tại kết luận giám định số 1001/KL-KTHS ngày 06/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận:

+ Mẫu chất bột màu trắng và hồng trong phong bì ký hiệu A2 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine và Heroine có khối lượng là 0,337gam.

+ ½ viên nén màu hồng trong bì ký hiệu A2 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là 0,076 gam.

Tại cơ quan điều tra Tô Văn T khai nhận: Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 28/6/2022, T điều khiển xe mô tô BKS 20F1 – 33.777 đi từ nhà ra xuống khu vực ngã ba tam giác thuộc thị trấn H, huyện Đ, để tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây, T gặp một người đàn ông không quen biết, T hỏi mua ma túy, người này đồng ý

bán cho T 01 phong bì thư màu trắng bên trong có chứa 01 gói giấy màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng và màu hồng với giá 400.000 đồng, sau khi mua được ma túy T cất giấu vào túi quần bên phải đang mặc rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đi về nhà. Đến khoảng 9 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi gần đến ngã ba đường dân sinh thuộc xóm Đ, xã T thì bị Công an xã T, huyện Đ kiểm tra, phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Lời khai nhận của Tô Văn T phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu A2 còn nguyên vẹn; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A3 còn nguyên vẹn.

- 01 chiếc diện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh và số tiền 4.680.000đồng.

Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng tài khoản tiền gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại bản cáo trạng số 124/ CT-VKSĐT ngày 07/10/2022 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Tô Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Kết thúc phần tranh tụng, đại diện VKSND huyện Đại Từ giữ nguyên cáo trạng, đã luận tội đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tô Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điểm i khoản 1 Điều 249 điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu A2 còn nguyên vẹn; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A3 còn nguyên vẹn.

- Tạm giữ: 01 chiếc diện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh của bị cáo T để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho chị Lê Thị N số tiền 4.680.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Về án phí **:** Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định sung công quỹ nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; VKS nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2]. Về căn cứ buộc tội:

Tại phiên tòa bị cáo T đã khai báo: Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 28/6/2022, tại khu vực đường liên xóm ngã ba T đi xóm Đ, xã T, huyện Đ, Tô Văn T đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép ma túy, loại Methamphetamine và Heroine có tổng khối lượng là 0,413gam, mục đích để sử dụng cho bản thân, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Tổ công tác của Công an xã T, huyện Đ phát hiện bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Lời khai nhận của Tô Văn T phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến; vật chứng thu giữ, kết luận giám định. Như vậy hành vi tàng trữ 0,337gam Heroine và 0,076 gam Methamphetamine của Tô Văn T đã cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy " tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015.

Nội dung điều luật như sau:

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý.

1. ***Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm vào mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.***

…..

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này;

[3]. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý độc dược của nhà nước nói chung và chất ma tuý nói riêng, hành vi đó không những làm ảnh hưởng tới sức khoẻ con người mà còn ảnh hưởng và suy hao kinh tế là một trong những nguyên nhân phát sinh

tội phạm và các tệ nạn xã hội khác nên cần xử lý nghiêm minh mới bảo đảm tính răn đe của pháp luật và mang tính phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do vậy bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Xét nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tuy nhiên bị cáo là nghiện ma tuý, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội nên cần xử lý nghiêm.

[5]. Về hình phạt:

Căn cứ vào tình chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo T mức án từ 18 đến 24 tháng tù và buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời mang tính phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện, không có tài sản riêng, không có việc làm ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

[7]. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu A2 còn nguyên vẹn; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A3 còn nguyên vẹn.

- Tạm giữ: 01 chiếc diện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh của bị cáo T để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho chị Lê Thị N số tiền 4.680.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

[8]. Về nguồn gốc ma túy, loại Methamphetamine và Heroine, T khai mua của 01 người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở khu vực ngã ba tam giác thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và chị Lê Thị N (là vợ của T) là chủ sở hữu chiếc xe khi T sử dụng đi mua ma túy. Quá trình điều tra không đủ căn cứ để xác định người đàn ông trên, chị N không biết T sử dụng xe đi mua ma túy, nên cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xem xét với chị N và người đàn ông.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Áp dụng: Điểm i khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điều 106 Điều 136 và Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án.

Tuyên bố: Bị cáo Tô Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Tô Văn T 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/6/2022.

2. Về phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo T.

3. Quyết định tạm giam bị cáo Tô Văn T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu A2 còn nguyên vẹn; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A3 còn nguyên vẹn.

- Tạm giữ: 01 chiếc diện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh của bị cáo T để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho chị Lê Thị N số tiền 4.680.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại quyết định chuyển vật chứng số107/QĐ-VKSĐT ngày 07/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ)

5. Về án phí: Buộc bị cáo Tô Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. /.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện Đại Từ (3b);
- VKSND huyện Đại Từ (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS huyện Đại Từ (1b);
- THAHS (2b);
- Bị cáo, người có QLNVLQ (1b);
- Thông báo cho UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Kao Hoàng